Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 11**

*Thực hiện từ ngày 17 tháng 11 năm 2025*

| THỨ | TIẾT | 10A1 (Cường) | | 10A2 (Đồng) | | 10A3 (Thị Xuân) | | 10B1 (Cúc) | | 10B2 (Lê Na) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | | Lí - Phương | | CN - Hải | | Văn - Dũng | Chào cờ | | Chào cờ | |
| | 2 | Toán - AnhT | CĐ(Lí) - Phương | Văn - Cường | Sử - Trang-sử | Toán - Đồng | Văn - Dũng | Lí - Phương | | Địa - Thuận | |
| | 3 | Sinh - Lê Na | CN - Hải | Văn - Cường | Văn - Cường | Toán - Đồng | HĐTN-HN - Mùa | Toán - AnhT | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | |
| | 4 | Sinh - Lê Na | CN - Hải | Toán - Đồng | Lí - Thị Xuân | Hóa - AnhH | CN - Tiến | Toán - AnhT | | CĐ(CN) - Di | |
| | 5 | | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | Sử - Cúc | |
| 3 | 1 | | Sử - Trang-sử | | HĐTN-HN - Mùa | | CĐ(CN) - Tiến | Sinh - Tú | | CĐ(Lí) - Huyên | |
| | 2 | | HĐTN-HN - Mùa | | CĐ(Lí) - Phương | | Sinh - Tú | CĐ(Sinh) - Tú | Địa - Thuận | Văn - Dũng | Toán - AnhT |
| | 3 | | Hóa - Mùa | | Sinh - Nụ | | Sinh - Tú | Văn - Cường | CĐ(Lí) - Phương | Văn - Dũng | Toán - AnhT |
| | 4 | | Lí - Phương | | Sinh - Nụ | | Sử - Cúc | Văn - Cường | CĐ(CN) - Tiến | Lí - Huyên | CĐ(Sinh) - Lê Na |
| | 5 | | Văn - Cường | | Hóa - Mùa | | Sử - Cúc | Sử - Cúc | | Lí - Huyên | |
| 4 | 1 | | Sử - Trang-sử | | CN - Hải | | HĐTN-HN - Mùa | Sử - Cúc | | CN - Di | |
| | 2 | | CĐ(CN) - Hải | | CĐ(Hóa) - Mùa | | Toán - Đồng | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | CN - Di | |
| | 3 | | HĐTN-HN - Mùa | | Toán - Đồng | | CN - Tiến | Địa - Thuận | | Toán - AnhT | |
| | 4 | | CĐ(Hóa) - Mùa | | Toán - Đồng | | CĐ(Hóa) - AnhH | Toán - AnhT | | Sinh - Lê Na | |
| | 5 | | Hóa - Mùa | | CĐ(CN) - Hải | | Hóa - AnhH | Sinh - Tú | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | | Toán - AnhT | | Lí - Thị Xuân | | Văn - Dũng | Văn - Cường | | Sinh - Lê Na | |
| | 2 | | Toán - AnhT | | Sử - Trang-sử | | Lí - Thị Xuân | CN - Tiến | | Văn - Dũng | |
| | 3 | | Văn - Cường | | HĐTN-HN - Mùa | | Lí - Thị Xuân | CN - Tiến | | Địa - Thuận | |
| | 4 | | Văn - Cường | | Hóa - Mùa | | CĐ(Lí) - Thị Xuân | Lí - Phương | | Sử - Cúc | |
| | 5 | | SHL - Cường | | SHL - Đồng | | SHL - Thị Xuân | SHL - Cúc | | SHL - Lê Na | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 11**

*Thực hiện từ ngày 17 tháng 11 năm 2025*

| THỨ | TIẾT | 10B3 (Di) | | 11A1 (Tiến) | | 11A2 (Lai) | | 11B1 (Thuận) | | 11B2 (Trang-PL) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | | | GDKTPL - Trang-PL | | Văn - Cường | Chào cờ | | Chào cờ | |
| | 2 | CN - Di | | | CĐ(Hóa) - Mùa | | Văn - Cường | Sinh - Nụ | | HĐTN-HN - Trang-PL | |
| | 3 | CĐ(Lí) - Huyên | | | Toán - Bé | | GDKTPL - Trang-PL | GDKTPL - Trang-PL | | Địa - Thuận | |
| | 4 | Văn - Cường | | | Sử - Nga | | Hóa - Mùa | Địa - Thuận | | GDKTPL - Trang-PL | |
| | 5 | Văn - Cường | | | Chào cờ | | Chào cờ | Địa - Thuận | | Sử - Trang-sử | |
| 3 | 1 | Sử - Cúc | | | Lí - Hà | | Toán - AnhT | Văn - Dũng | | Lí - Thị Xuân | |
| | 2 | Lí - Huyên | Sinh - Nụ | | HĐTN-HN - Tiến | | HĐTN-HN - Lai | Lí - Thị Xuân | Sử - Trang-sử | GDKTPL - Trang-PL | Toán - Cành |
| | 3 | Lí - Huyên | Địa - Thuận | | CĐ(CN) - Tiến | | Lí - Hà | CĐ(Lí) - Thị Xuân | HĐTN-HN - Lai | Văn - Thanh | Toán - Cành |
| | 4 | CĐ(Sinh) - Nụ | Toán - AnhT | | Văn - Cường | | CĐ(Hóa) - Mùa | Sử - Trang-sử | HĐTN-HN - Lai | Văn - Thanh | Văn - Thanh |
| | 5 | Văn - Cường | | | Sử - Nga | | CĐ(CN) - Tiến | GDKTPL - Trang-PL | | Toán - Cành | |
| 4 | 1 | Toán - AnhT | | | CĐ(Lí) - Hà | | CN - Tiến | CĐ(Sinh) - Nụ | | CĐ (Sử) - Trang-sử | |
| | 2 | Toán - AnhT | | | Toán - Bé | | CN - Tiến | Toán - Cành | | Lí - Thị Xuân | |
| | 3 | CN - Di | | | Toán - Bé | | Lí - Hà | Toán - Cành | | Sử - Trang-sử | |
| | 4 | CĐ(CN) - Di | | | Lí - Hà | | Sử - Cúc | CĐ (Sử) - Trang-sử | | CĐ(Sinh) - Nụ | |
| | 5 | Sử - Cúc | | | CN - Tiến | | Sử - Cúc | Lí - Thị Xuân | | Sinh - Nụ | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | HĐTN-HN - Di | | HĐTN-HN - Tiến | Văn - Cường | Hóa - Mùa | HĐTN-HN - Lai | Toán - Cành | | CĐ(Lí) - Thanh Xuân | |
| | 2 | HĐTN-HN - Di | | Hóa - Mùa | Văn - Cường | Văn - Cường | GDKTPL - Trang-PL | Sinh - Nụ | | Địa - Thuận | |
| | 3 | Sinh - Nụ | | Hóa - Mùa | GDKTPL - Trang-PL | CĐ(Lí) - Hà | Toán - AnhT | Văn - Dũng | | HĐTN-HN - Trang-PL | |
| | 4 | Địa - Thuận | | | CN - Tiến | | Toán - AnhT | Văn - Dũng | | Sinh - Nụ | |
| | 5 | SHL - Di | | | SHL - Tiến | | SHL - Lai | SHL - Thuận | | SHL - Trang-PL | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 11**

*Thực hiện từ ngày 17 tháng 11 năm 2025*

| THỨ | TIẾT | 11B3 (Vinh) | | 11C1 (Hải) | | 11C2 (Tấn Dũng) | | 11C3 (Huyên) | | 12A1 (Nga) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | | | CĐ (Sử) - Trang-sử | | Toán - Bé | | Sử - Nga | Chào cờ | |
| | 2 | CĐ(Sinh) - Lê Na | | | HĐTN-HN - Lai | CĐ(Lí) - Huyên | Toán - Bé | | Lí - Huyên | GDKTPL - Thủy | GDKTPL+ - Thủy |
| | 3 | HĐTN-HN - Vinh | | | Văn - Dũng | CĐ (Sử) - Trang-sử | Lí - Huyên | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Hóa - AnhH | Văn+ - Thanh |
| | 4 | Sử - Trang-sử | | | Văn - Dũng | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Lí - Huyên | | Văn - Cường | Văn - Thanh | CĐ(Lí) - Phương |
| | 5 | Sinh - Lê Na | | | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | Văn - Thanh | |
| 3 | 1 | Toán - Cành | | Toán - Bé | Văn - Dũng | | Sinh - Tú | | Văn - Cường | CN - Phát | CĐ(CN) - Phát |
| | 2 | Toán - Cành | Văn - Dũng | Toán - Bé | Sinh - Lê Na | | Toán - Bé | | Văn - Cường | Sử - Nga | CN - Phát |
| | 3 | GDKTPL - Trang-PL | Văn - Dũng | CĐ(CN) - Hải | Sinh - Lê Na | | Sử - Trang-sử | | Sử - Nga | GDKTPL - Thủy | Toán+ - Bé |
| | 4 | CĐ(Lí) - Thị Xuân | Sử - Trang-sử | | Địa - Thuận | | Văn - Dũng | | Sinh - Tú | Toán - Bé | Sử+ - Nga |
| | 5 | Lí - Thị Xuân | | | Địa - Thuận | | Văn - Dũng | | Toán - AnhT | Toán - Bé | |
| 4 | 1 | Sinh - Lê Na | | | Toán - Bé | | Địa - Hưng | | Toán - AnhT | HĐTN-HN - Hạnh | |
| | 2 | CĐ (Sử) - Trang-sử | | | Sử - Trang-sử | | CN - Di | | Toán - AnhT | HĐTN-HN - Hạnh | |
| | 3 | Lí - Thị Xuân | | | CN - Hải | | CN - Di | | Sinh - Tú | Hóa - AnhH | |
| | 4 | Địa - Thuận | | | CN - Hải | | Sử - Trang-sử | | Địa - Hưng | CĐ (Sử) - Nga | |
| | 5 | Địa - Thuận | | | CĐ(Lí) - Hà | | Sinh - Tú | | CN - Di | Toán - Bé | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | Văn - Dũng | | | Sử - Trang-sử | | CĐ(CN) - Di | HĐTN-HN - Tấn Dũng | CĐ(Lí) - Huyên | Lí - Phương | |
| | 2 | HĐTN-HN - Vinh | | | Lí - Huyên | | Văn - Dũng | CĐ (Sử) - Nga | CN - Di | Lí - Phương | |
| | 3 | Toán - Cành | | | Lí - Huyên | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | CĐ(CN) - Di | Địa - Hưng | Sử - Nga | |
| | 4 | GDKTPL - Trang-PL | | | HĐTN-HN - Lai | | Địa - Hưng | | Lí - Huyên | Văn - Thanh | |
| | 5 | SHL - Vinh | | | SHL - Hải | | SHL - Tấn Dũng | | SHL - Huyên | SHL - Nga | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 11**

*Thực hiện từ ngày 17 tháng 11 năm 2025*

| THỨ | TIẾT | 12A2 (Hà) | | 12A3 (AnhV) | | 12B1 (Thủy) | | 12B2 (Nụ) | | 12B3 (Thanh) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | GDKTPL - Thủy | Chào cờ | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Chào cờ | CĐ(Tin) - Lai |
| | 2 | Lí - Hà | Văn+ - Thanh | Sử - Nga | CĐ(CN) - Hải | Địa - Hưng | Văn+ - AnhV | Sử - Trang-sử | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Văn - Thanh | Sử+ - Nga |
| | 3 | GDKTPL - Thủy | Hóa - AnhH | Lí - Hà | Sử+ - Nga | Toán - Bé | Sử+ - Trang-sử | Địa - Hưng | Văn+ - AnhV | Văn - Thanh | GDKTPL+ - Thủy |
| | 4 | Toán - Cành | GDKTPL+ - Thủy | Lí - Hà | Toán+ - Đồng | Toán - Bé | Toán+ - Bé | Địa - Hưng | Sử+ - Trang-sử | GDKTPL - Thủy | Văn+ - Thanh |
| | 5 | Toán - Cành | | Hóa - AnhH | | Văn - AnhV | | GDKTPL - Thủy | | | |
| 3 | 1 | GDKTPL - Thủy | | CN - Hải | Văn - AnhV | HĐTN-HN - Yến | | Sinh - Nụ | | CĐ (Sử) - Nga | |
| | 2 | Hóa - AnhH | | CN - Hải | CĐ(Lí) - Hà | Sử - Trang-sử | | GDKTPL - Thủy | | Văn - Thanh | |
| | 3 | CN - Phát | | HĐTN-HN - Yến | Văn+ - AnhV | Sử - Trang-sử | | Văn - AnhV | | Toán - Đồng | |
| | 4 | CN - Phát | | Toán - Đồng | Lí+ - Hà | Văn - AnhV | | Toán - Cành | | Tin - Lai | |
| | 5 | Văn - Thanh | | GDKTPL - Thủy | | Văn - AnhV | | Sử - Trang-sử | | Tin - Lai | |
| 4 | 1 | Toán - Cành | | Toán - Đồng | | Tin - Yến | | Tin - Tấn Dũng | | Sử - Nga | |
| | 2 | CĐ (Sử) - Cúc | | Toán - Đồng | | Toán - Bé | Địa+ - Hưng | CĐ(Sinh) - Nụ | | Sinh - Lê Na | |
| | 3 | Sử - Cúc | | CĐ (Sử) - Nga | | Sinh - Tú | CĐ (Sử) - Trang-sử | CĐ(Tin) - Tấn Dũng | | CĐ(Sinh) - Lê Na | |
| | 4 | HĐTN-HN - Hạnh | | HĐTN-HN - Yến | | Sinh - Tú | CĐ(Sinh) - Tú | Toán - Cành | | Toán - Đồng | |
| | 5 | HĐTN-HN - Hạnh | | Sử - Nga | | CĐ(Tin) - Yến | | Toán - Cành | | Toán - Đồng | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | Sử - Cúc | CĐ(CN) - Phát | Văn - AnhV | | GDKTPL - Thủy | | Sinh - Nụ | | Sử - Nga | Địa - Hưng |
| | 2 | Văn - Thanh | CĐ(Lí) - Hà | Văn - AnhV | | HĐTN-HN - Yến | | Tin - Tấn Dũng | Địa+ - Hưng | GDKTPL - Thủy | HĐTN-HN - Lai |
| | 3 | Văn - Thanh | Toán+ - Cành | GDKTPL - Thủy | | Tin - Yến | | Văn - AnhV | CĐ (Sử) - Trang-sử | Địa - Hưng | HĐTN-HN - Lai |
| | 4 | Lí - Hà | Lí+ - Hà | Hóa - AnhH | | Địa - Hưng | | Văn - AnhV | Toán+ - Cành | Sinh - Lê Na | Toán+ - Đồng |
| | 5 | SHL - Hà | | SHL - AnhV | | SHL - Thủy | | SHL - Nụ | | SHL - Thanh | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 11**

*Thực hiện từ ngày 17 tháng 11 năm 2025*

| THỨ | TIẾT | 12C1 (AnhH) | | 12C2 (Thanh Xuân) | | 12C3 (Phương) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | Văn+ - AnhV | Chào cờ | | Chào cờ | | | | | |
| | 2 | Văn - AnhV | Hóa+ - AnhH | CĐ(Lí) - Thanh Xuân | | Hóa - AnhH | | | | | |
| | 3 | Lí - Thanh Xuân | HĐTN-HN - Lai | Sử - Cúc | | Văn - AnhV | | | | | |
| | 4 | CN - Vinh | HĐTN-HN - Lai | CĐ (Sử) - Cúc | | Văn - AnhV | | | | | |
| | 5 | | | CN - Vinh | | Toán - Đồng | | | | | |
| 3 | 1 | Văn - AnhV | Toán - Bé | Văn - Thanh | Sử+ - Cúc | Hóa - AnhH | CĐ(Lí) - Phương | | | | |
| | 2 | Văn - AnhV | CĐ(Lí) - Thanh Xuân | Sinh - Nụ | Văn - Thanh | CĐ (Sử) - Cúc | Văn+ - AnhV | | | | |
| | 3 | CĐ (Sử) - Nga | Lí+ - Thanh Xuân | Toán - Cành | Văn+ - Thanh | Sinh - Tú | Sử+ - Cúc | | | | |
| | 4 | Sử - Nga | Toán+ - Bé | HĐTN-HN - Yến | Lí+ - Thanh Xuân | Sử - Cúc | Văn - AnhV | | | | |
| | 5 | Sử - Nga | | HĐTN-HN - Yến | | Toán - Đồng | | | | | |
| 4 | 1 | Hóa - AnhH | | CĐ(CN) - Vinh | | Sinh - Tú | | | | | |
| | 2 | Hóa - AnhH | | CN - Vinh | | HĐTN-HN - Yến | | | | | |
| | 3 | Toán - Bé | | Sinh - Nụ | | Toán - Đồng | | | | | |
| | 4 | Toán - Bé | | Sử - Cúc | | CĐ(CN) - Vinh | | | | | |
| | 5 | Sinh - Lê Na | | | | CN - Vinh | | | | | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | CĐ(CN) - Vinh | | Văn - Thanh | Toán - Cành | HĐTN-HN - Yến | Lí - Phương | | | | |
| | 2 | Sinh - Lê Na | | Lí - Thanh Xuân | Toán+ - Cành | Sử - Cúc | Lí+ - Phương | | | | |
| | 3 | CN - Vinh | | Lí - Thanh Xuân | Hóa - AnhH | Lí - Phương | Toán+ - Đồng | | | | |
| | 4 | Lí - Thanh Xuân | | Toán - Cành | Hóa - AnhH | CN - Vinh | | | | | |
| | 5 | SHL - AnhH | | SHL - Thanh Xuân | | SHL - Phương | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |